TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 131/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 8 – 2023
" V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2023/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2023/QĐXX - ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2023/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phan Thị M**, sinh năm: 1974 (Vắng, có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1966 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 6, xã Trung Nghĩa, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Bà và ông V hôn nhân do mai mối nhưng cũng tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Nghĩa vào ngày 07/8/1995. Sau ngày cưới bà sống bên gia đình ông V. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân gây mâu thuẫn do ông V có người phụ nữ khác nên kêu bà làm đơn ly

hôn. Bà nhận thấy không thể hàn gắn do không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

- *Về con chung:* Có 02 người con chung tên Nguyễn Việt Trường, sinh ngày 22/5/1996 và Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 05/11/1999 con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày***: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà M về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, phải thu phải trả. Nhưng nay bà M yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn lý do ông còn thương vợ. Việc bà M cho rằng ông có người phụ nữ khác là không đúng, ông chỉ nhờ người em gái điện thoại cho bà M để thử lòng bà M chứ ông không có quan hệ yêu thương gì với người khác.

- *Về con chung:* Có 02 người con chung tên Nguyễn Việt Trường, sinh ngày 22/5/1996 và Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 05/11/199 con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết để tự thỏa thuận.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, để tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Vng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét thấy, nguyên đơn bà M có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Xét việc bị đơn ông V được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa bà M và ông V có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa bà M và ông V có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nguyên nhân sâu xa dẫn đến ly thân là do ông V có người phụ nữ khác bên ngoài từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tuy ông V không thừa nhận nhưng ông V không đưa ra được phương thức nào để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử, xét thấy trong mối quan hệ hôn nhân nếu muốn sống hạnh phúc thì hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm hai phía. Tuy nhiên bà M khẳng định không còn tình cảm với ông V không thể nào tiếp tục chung sống, từ đó cho thấy mâu thuẫn hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Về con chung: Bà M ông V thống nhất xác định con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.2] Về tài sản chung: Bà M ông V thống nhất xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Bà M ông V thống nhất xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Bà M phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình, ông V không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Con chung đã thành niên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Bà Phan Thị M và ông Nguyễn Văn V thống nhất xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí:

+ Bà Phan Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N^0 0009478, ngày 25/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vng Liêm, bà Phan Thị M đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Ông Nguyễn Văn V không phải nộp án phí.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường